**NHIỆM VỤ: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN CAM LỘ ĐẾN NĂM 2040, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2050**

**(VỊ TRÍ: KHU ĐÔ THỊ PHỨC HỢP,NGHỈ DƯỠNG VÀ SÂN GOLF CAM LỘ)**

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

**MỤC LỤC**

[I. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH 1](#_Toc68117785)

[II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH 2](#_Toc68117786)

[III. PHẠM VI VÀ QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH 4](#_Toc68117787)

[IV. QUAN ĐIỂM 4](#_Toc68117788)

[V. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH 5](#_Toc68117789)

[VI. TÍNH CHẤT 5](#_Toc68117790)

[VII. YÊU CẦU CƠ BẢN VỀ NỘI DUNG, MỨC ĐỘ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, THU THẬP TÀI LIỆU, SỐ LIỆU, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG 6](#_Toc68117791)

[VIII. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG 6](#_Toc68117792)

[1. Quy mô dân số 6](#_Toc68117793)

[2. Quy mô đất đai 7](#_Toc68117794)

[3. Về kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 8](#_Toc68117795)

[3.1. Chỉ tiêu chung 8](#_Toc68117796)

[3.2. Về lĩnh vực kinh tế 9](#_Toc68117797)

[3.3. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội 12](#_Toc68117798)

[IX. DƯ BÁO VỀ QUY MÔ 13](#_Toc68117799)

[1. Quy mô dân số 13](#_Toc68117800)

[2. Tỷ lệ đô thị hóa 14](#_Toc68117801)

[3. Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai 14](#_Toc68117802)

[4. Tiềm năng, động lực phát triển 14](#_Toc68117803)

[4.1. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 14](#_Toc68117804)

[4.2. Tiềm năng phát triển du lịch 15](#_Toc68117805)

[4.3. Tiềm nằng về tài nguyên khoáng sản 16](#_Toc68117806)

[4.4. Tiềm năng về phát triển thương mại - dịch vụ 16](#_Toc68117807)

[4.5. Tiền năng phát triển về Nông - Lâm - Thủy sản 17](#_Toc68117808)

[X. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - KỸ THUẬT 18](#_Toc68117809)

[1. Chỉ tiêu về kinh tế - xã hội 18](#_Toc68117810)

[2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng xã hội 18](#_Toc68117811)

[3. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỷ thuật 19](#_Toc68117812)

[XI. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH 20](#_Toc68117813)

[1. Nội dung đồ án quy hoạch xây dựng vùng phải đảm bảo các yêu cầu sau 20](#_Toc68117814)

[2. Nội dung Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng 21](#_Toc68117815)

[XII. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG HỒ SƠ, SẢN PHẨM 21](#_Toc68117816)

[1. Thành phần bản vẽ 21](#_Toc68117817)

[2. Thuyết minh 22](#_Toc68117818)

[3. Số lượng hồ sơ: 23](#_Toc68117819)

[XIII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN 23](#_Toc68117820)

[XIV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 23](#_Toc68117821)

# I. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cam Lộ đến năm 2040, định hướng đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 3129a/QĐ-UBND ngày 18/11/2019. Trong những năm qua, trên cơ sở quy hoạch vùng huyện đã phê duyệt, UBND huyện Cam Lộ đã triển khai các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư nhằm phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng.

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh tại Văn bản số 135/TB-UBND ngày 22/7/2022 Thông báo Ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn của các dự án do Tập đoàn T&T làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh; Theo đó, UBND tỉnh đồng ý chủ trương cho UBND huyện Cam Lộ điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng huyện Cam Lộ đã được phê duyệt để đảm bảo phù hợp với các định hướng, đồng bộ với các cấp độ quy hoạch. Làm căn cứ triển khai đồ án Quy hoạch phân khu Khu đô thị phức hợp, nghỉ dưỡng và sân Golf Cam Lộ.

Như vậy, việc rà soát, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cam Lộ đến năm 2040, định hướng đến năm 2050 là hết sức cần thiết.

# II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14, ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 832/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc sát nhập các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết hành một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 29/06/2016 Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2070;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 02/03/2011 của Thủ tướng Chính chủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính chủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Quốc gia, giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của tỉnh Ủy Quảng Trị về phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2021, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ-TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh phê duyệt về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Cam Lộ đến năm 2020;

 Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 26/08/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2015 và đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 23/06/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị về phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Văn bản số 135/TB-UBND ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về Thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Võ Văn Hưng tại buổi làm việc về báo cáo nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Cảng hàng không Quảng Trị và tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn các dự án do Công ty cổ phần Tập đoàn T&T làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 2704/SXD-QHKT ngày 25/11/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị về việc nhiệm vụ Quy hoạch vùng huyện Cam Lộ.

# III. PHẠM VI VÀ QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch thuộc thị trấn Cam Lộ và xã Cam Thành, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất quy hoạch xây dựng thị trấn Cam Lộ.

- Phía Nam: Giáp khu vực đất lâm nghiệp, xã Cam Thành.

- Phía Tây: Giáp khu vực đất an ninh quốc phòng và đất nông nghiệp.

- Phía Đông: Giáp khu dân cư hiện trạng, khu nghĩa địa tập trung và đất lâm nghiệp.

Quy mô lập quy hoạch: 498,2 ha.

# IV. QUAN ĐIỂM

Điều chỉnh cục bộ quy hoạch vùng huyện để xây dựng Khu đô thị phức hợp, nghỉ dưỡng và sân Golf Cam Lộ nhằm kêu gọi đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời đảm bảo các cấp độ quy hoạch.

# V. MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH

- Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xây dựng phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh quốc phòng; bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững;

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn toàn huyện.

# VI. TÍNH CHẤT

- Điều chỉnh cục bộ để định hướng phát triển khu vực thành khu đô thị và dịch vụ du lịch sinh thái, có vai trò động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện;

# VII. YÊU CẦU CƠ BẢN VỀ NỘI DUNG, MỨC ĐỘ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, THU THẬP TÀI LIỆU, SỐ LIỆU, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

- Cung cấp những căn cứ, luận chứng khoa học cho việc đánh giá thực trạng, dự báo bối cảnh, xác định mục tiêu, phương hướng và giải pháp điều chỉnh quy hoạch xây dựng.

- Các mục tiêu, định hướng phát triển cần đảm bảo tính lôgic, chặt chẽ, khoa học, thống nhất và có khả năng đo lường để có thể theo dõi, giám sát, kiểm tra sau khi báo cáo quy hoạch được phê duyệt.

- Các phương pháp lập quy hoạch cụ thể:

+ Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Thu thập và xử lý các số liệu về vị trí địa lý, lịch sử văn hóa, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng; đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng đang có hiệu lực trên địa bàn. Các nguồn báo cáo, số liệu, thống kê từ các Sở ban ngành và các địa phương; số liệu từ khảo sát thực địa.

+ Phương pháp hệ thống: Hệ thống lại các số liệu hiện trạng, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các cơ sở khoa học, cơ sở thực tiển để đưa ra giải pháp quy hoạch phù hợp.

+ Phương pháp phân tích tổng hợp: Tổng hợp các yếu tố phân tích để tìm ra vấn đề cốt lõi và các giải pháp thực hiện bằng các phân tích đánh giá tổng hợp. Phân tích hệ thống điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với tỉnh (phân tích SWOT).

+ Phương pháp chuyên gia: Phương pháp chuyên gia được sử dụng lấy phiếu xin ý kiến với các chuyên gia là các nhà quản lý,... về các nội dung quy hoạch quy hoạch.

# VIII. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

## 1. Nội dung đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng vùng phải đảm bảo các yêu cầu sau

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng.

b) Đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch đang có hiệu lực.

c) Xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng.

d) Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển 10 năm, 20 năm; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển.

đ) Định hướng phát triển không gian vùng:

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng;

- Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển. Đối với vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, xác định phân vùng theo đoạn tuyến và tổ chức kết nối vùng dọc tuyến;

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù;

- Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: Mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, nghỉ dưỡng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị. Đối với vùng chức năng đặc thù phải xác định các trung tâm chuyên ngành theo chức năng đặc thù.

- Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan trong vùng.

e) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng:

- Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng hoặc liên vùng gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, phát triển điện lực, cung cấp năng lượng (khí đốt, xăng, dầu), cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động;

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn;

- Hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng;

- Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch;

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

## 2. Nội dung Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng

a. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý.

b. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế.

c. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn.

b. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng.

d. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

đ. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng.

e. Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng.

f. Các quy định khác theo chức năng đặc thù của vùng.

# IX. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG HỒ SƠ, SẢN PHẨM

## 1. Thành phần bản vẽ điều chỉnh quy hoạch

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000;

- Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: Xác định các vùng phát triển; xác định quy mô các không gian phát triển đô thị; các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000;

- Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000;

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

## 2. Thuyết minh

- Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng vùng; các căn cứ lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng.

- Phân tích, đánh giá Điều kiện tự nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội vùng; hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật vùng; hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Xác định động lực và tiềm năng phát triển của vùng.

- Dự báo về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa, sử dụng đất, môi trường; các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên,…

- Định hướng phát triển không gian theo Mục tiêu và tính chất phát triển vùng. Nội dung cụ thể bao gồm: Phân vùng phát triển đô thị, du lịch, hạ tầng xã hội, bảo tồn (cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa lịch sử), sử dụng đất.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Xác định danh Mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường; các dự án cần được nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn thực hiện.

- Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với vùng có phạm vi bao gồm nhiều đơn vị hành chính cấp tỉnh, cần kiến nghị mô hình, cơ chế quản lý và liên kết phát triển vùng liên tỉnh.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn; Hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng; Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch; Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

Thuyết minh đồ án phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh.

- Quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng.

-  Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

-  Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm các văn bản pháp lý liên quan.

## 3. Số lượng hồ sơ:

Số lượng hồ sơ đồ án là 06 bộ.

# XIII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Tiến độ thực hiện là 06 tháng. (kể từ khi hợp đồng có hiệu lực)

# XIV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đơn vị lập nhiệm vụ: Công ty cổ phần kiến trúc T’home.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Cam Lộ.

3. Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở, ban ngành trực thuộc tỉnh; các phòng ban và UBND các xã trực thuộc huyện.

3. Cơ quan thẩm định nhiệm vụ, đồ án: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị.

4. Cơ quan thẩm định dự toán: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị.

5. Cơ quan phê duyệt dự toán, nhiệm vụ và đồ án: UBND tỉnh Quảng Trị.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |